

**DỰ THẢO BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, CHIẾN LƯỢC
TRUNG ƯƠNG NGUYỄN THANH NGHỊ**

**Tại Hội nghị toàn quốc quán triệt nghiên cứu, học tập, quán triệt và
triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba số -NQ/TW
ngày /7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV
về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam
(Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026)**

*Kính thưa đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,*

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Theo sự phân công của Ban Tổ chức, tôi xin trân trọng báo cáo những nội dung chủ yếu của **Nghị quyết (số ...-NQ/TW ngày .../7/2026) của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV** về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam. Nghị quyết này có ý nghĩa rất quan trọng, là bước cụ thể hóa các định hướng chiến lược, quyết sách lớn trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; đồng thời đưa ra khung chỉnh thể thống nhất về mô hình phát triển đất nước; tạo sự kết nối, nâng tầm các Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được ban hành trong thời gian qua nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045.

Tại Hội nghị hôm nay, báo cáo tập trung trình bày **05 nội dung chủ yếu**: (1) Bối cảnh và thực trạng mô hình phát triển qua 40 năm đổi mới; (2) Quan điểm chỉ đạo; (3) Mục tiêu và định hướng tầm nhìn; (4) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (5) Tổ chức thực hiện.

**NỘI DUNG THỨ I. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG MÔ HÌNH
PHÁT TRIỂN QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI**

(1) Trước hết, cần có sự thống nhất nhận thức về mô hình phát triển đất nước. Theo cách tiếp cận hệ thống, mô hình phát triển đất nước là cấu trúc tổng thể sự phát triển của một quốc gia, bao gồm hệ quan điểm, triết lý phát triển; hệ mục tiêu phát triển; các yếu tố nền tảng; các trụ cột phát triển chủ yếu; hệ thống động lực và cơ chế vận hành; cách thức Nhà nước - thị trường - xã hội tương tác để đạt được các mục tiêu đề ra cho từng giai đoạn phát triển. Mô hình phát triển đất nước có mô hình phát triển tổng thể và các mô hình thành phần trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng - an ninh, đối ngoại - hội nhập quốc tế, quản trị quốc gia.

(2) Không có một mô hình phát triển chung áp dụng cho mọi quốc gia hay mọi giai đoạn lịch sử; mô hình phát triển luôn vận động, điều chỉnh

và đổi mới để thích ứng với yêu cầu phát triển mới. Mỗi quốc gia lựa chọn mô hình phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử, trình độ phát triển, thể chế chính trị và bối cảnh quốc tế của từng thời kỳ.

(3) Nghị quyết về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam được xây dựng trên cơ sở bám sát chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đến các văn kiện Đại hội Đảng từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội XIV (2026); các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan trên các lĩnh vực về kinh tế, xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng - an ninh, đối ngoại - hội nhập quốc tế, quản trị quốc gia; các kết luận, phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; kế thừa những thành tựu lý luận và thực tiễn qua 40 năm đổi mới, tổng kết thực tiễn mô hình phát triển đất nước (gồm mô hình tổng thể và các mô hình thành phần) qua các giai đoạn gắn với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội [*3 giai đoạn 1986-2010, 2011-2020 và 2021-2025*], tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế; phân tích, dự báo bối cảnh trong nước, quốc tế để đề xuất mô hình phát triển đất nước phù hợp với điều kiện Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

(4) Thực tế, qua 40 năm Đổi mới, 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mô hình phát triển đất nước đã từng bước được hình thành, bổ sung và hoàn thiện, thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng, nhất là tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ chủ nghĩa xã hội năm 1991, bổ sung và phát triển năm 2011, Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng, các Nghị quyết và Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề và nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

[Từ một nền kinh tế kém phát triển, Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những nền kinh tế năng động, phát triển nhanh với quy mô GDP tăng trưởng vượt bậc. Năm 2025, quy mô GDP đạt 514 tỷ USD, đứng thứ 32 thế giới, thứ tư trong khu vực ASEAN và Việt Nam nằm trong nhóm 15 quốc gia có quy mô thương mại lớn nhất thế giới. Thu nhập bình quân đầu người tăng đáng kể, Việt Nam chính thức được xếp vào nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao với tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người đạt 4.970 USD năm 2025; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng lên, vị thế và uy tín quốc tế ngày càng được khẳng định].

(5) Tuy nhiên, quá trình đổi mới mô hình phát triển đất nước còn chậm. Phát triển kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào mở rộng đầu tư, khai thác tài nguyên, lao động chi phí thấp và gia công, lắp ráp; chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo còn

thấp; năng lực tự chủ chiến lược còn hạn chế. Văn hóa chưa thực sự trở thành nguồn lực, sức mạnh mềm, động lực nội sinh của phát triển. An sinh xã hội, an ninh con người còn những mặt chưa vững chắc. Hiệu quả quản lý môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý, sử dụng tài nguyên chưa cao. Đổi mới quản trị quốc gia chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

(6) Trong khi đó, thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại. Sự phát triển đột phá của công nghệ số đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, quản trị quốc gia, ngành, doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đã vượt ra ngoài phạm vi động lực kinh tế thuần túy, trở thành nền tảng của năng lực cạnh tranh quốc gia, của tự chủ chiến lược và an ninh phát triển. Các xu hướng lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang tác động sâu sắc đến mô hình phát triển, tạo ra nhiều thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức lớn đan xen. Ở trong nước, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, quyết sách chiến lược, mang tính cách mạng; đặt ra nhiều yêu cầu mới rất cao, nhất là mục tiêu phấn đấu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030; từ đó, đòi hỏi phải có bước đột phá về đổi mới mô hình phát triển.

(7) Trên cơ sở đó, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam với hệ thống quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đột phá để triển khai thực hiện.

NỘI DUNG THỨ II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG

Nghị quyết đề ra **05 quan điểm chỉ đạo**, có thể khái quát những nội dung chủ yếu như sau:

(1) Quan điểm thứ nhất khẳng định đổi mới mô hình phát triển là nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa lịch sử để xây dựng thành công mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam; **thể hiện các nguyên tắc nền tảng trong đổi mới mô hình phát triển**, đó là thực hiện nhất quán “bốn kiên định”; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp của Đảng; phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước; khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội.

(2) Quan điểm thứ 2 thể hiện nội hàm của đổi mới mô hình phát triển, đó là đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia để tạo năng lực phát triển mới; chuyển đổi sang **Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập** - mô hình lấy con người là trung tâm, mục tiêu, động lực và chủ thể phát triển; nâng cao sức mạnh tổng hợp, tiềm lực quốc gia, chất lượng đời sống và hạnh phúc của Nhân dân làm trục xuyên suốt; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính; lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển và lấy nâng cao năng suất lao động, hiệu quả huy động, phân bổ nguồn lực quốc gia là những nguyên tắc trung tâm.

(3) Quan điểm thứ 3 thể hiện cơ chế vận hành và vị trí của các mô hình thành phần. Mô hình phát triển vận hành đồng bộ theo cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản trị, Nhân dân làm chủ"; dựa trên nền quản trị quốc gia hiện đại và mối quan hệ hài hòa, hiệu quả giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; tổ chức phát triển trong không gian tích hợp, đa tầng, liên thông, tạo liên kết và lan tỏa. Xác định phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là then chốt; phát triển văn hóa và con người là nền tảng, nguồn lực và động lực nội sinh, sức mạnh mềm quốc gia; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

(4) Quan điểm thứ 4 thể hiện định hướng khai thác, phát huy mọi nguồn lực cho đổi mới mô hình phát triển, hướng đến phát triển đất nước giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển; nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, sức chống chịu, khả năng thích ứng, tự phục hồi và quản trị rủi ro; không ngừng bồi đắp năng lực quốc gia, bảo đảm đất nước phát triển nhanh, bền vững và trường tồn.

(5) Quan điểm thứ 5 thể hiện phương thức triển khai thực hiện. Đổi mới mô hình phát triển phải được thực hiện đồng bộ, toàn diện và phù hợp với từng giai đoạn; bảo đảm gắn kết hữu cơ các trụ cột phát triển thành một thể thống nhất. Lấy đổi mới thể chế và quản trị quốc gia là khâu đột phá; chuyển từ tư duy quản lý, kiểm soát sang kiến tạo, dẫn dắt phát triển; quản trị theo mục tiêu, không gian phát triển, phối hợp liên thông, dựa trên dữ liệu, phản ứng chính sách và đo lường bằng kết quả, tác động phát triển; lấy hiệu quả điều phối, chất lượng phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và năng lực giải quyết vấn đề làm thước đo.

NỘI DUNG THỨ III. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG TẦM NHÌN

Nghị quyết đề ra mục tiêu cho các giai đoạn đến năm 2030, 2035, 2045 và định hướng tầm nhìn đến năm 2130 [*100 năm phát triển tiếp theo của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, 2030-2130*]. Cụ thể:

(1) Đến năm 2030, hoàn thành tạo lập các nền tảng cho mô hình phát triển mới trên các lĩnh vực, phù hợp với trình độ phát triển của nước thu nhập trung bình cao, có công nghiệp hiện đại. Tạo được đột phá về xây dựng, hoàn thiện thể chế và thực hiện quản trị quốc gia hiện đại; về nghiên cứu phát triển, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu và các doanh nghiệp dẫn dắt; thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội XIV của Đảng đã đề ra.

(2) Đến năm 2035, hoàn thành cơ bản quá trình chuyển sang *Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập*; hình thành đồng bộ các mô hình thành phần, đó là: (i) **Mô hình kinh tế** hiệu quả cao, sáng tạo, xanh, tự chủ, bao trùm và hội nhập; (ii) **Mô hình phát triển xã**

hội hiện đại, toàn diện, bao trùm và bền vững; (iii) **Mô hình phát triển văn hóa, con người** toàn diện, hiện đại, sáng tạo, giàu bản sắc và nhân văn; (iv) **Mô hình phát triển môi trường** sinh thái hiện đại, thông minh, bền vững, thích ứng; (v) **Mô hình quốc phòng** toàn dân, hiện đại, tự chủ, thông minh, lưỡng dụng và thích ứng; **Mô hình an ninh quốc gia** toàn diện, chủ động, hiện đại và thông minh; (vi) **Mô hình đối ngoại và hội nhập quốc tế** chủ động, toàn diện, hiệu quả, bản sắc và kiến tạo phát triển; (vii) **Mô hình quản trị quốc gia** dân chủ, hiện đại, thông minh, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

(3) Đến năm 2045, vận hành đồng bộ, hài hòa, hiệu quả **Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập**. Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên xã hội chủ nghĩa. Kinh tế phát triển chủ yếu dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xanh, tuần hoàn, tự chủ chiến lược và hội nhập sâu rộng; làm chủ được các công nghệ chiến lược quan trọng; xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển; văn hóa và con người trở thành sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm và nền tảng phát triển quốc gia; môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh hiện đại, tự cường; đối ngoại, hội nhập quốc tế chủ động, hiệu quả, góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc gia và đóng góp tích cực vào hòa bình, phát triển bền vững, văn minh chung của nhân loại.

(4) Định hướng tầm nhìn đến năm 2130, Việt Nam trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa phát triển trình độ cao, văn minh, hiện đại, bản sắc, có năng lực sáng tạo và sức sống trường tồn; là một trong những nền kinh tế xanh, sáng tạo, trung tâm sản xuất thông minh hàng đầu Châu Á; có vị thế quan trọng trong trật tự toàn cầu về tri thức, công nghệ, kinh tế, quốc phòng, an ninh; xã hội văn minh, thịnh vượng, công bằng, bao trùm, hạnh phúc; văn hóa bản sắc, con người phát triển toàn diện; đủ năng lực thích ứng với mọi thay đổi và có đóng góp xứng đáng cho nhân loại.

[Để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra, **Chương trình hành động của Bộ Chính trị** thực hiện Nghị quyết đã cụ thể hóa thành **40** chỉ tiêu đổi mới mô hình phát triển đất nước đến năm 2030, 2035 và 2045].

NỘI DUNG THỨ IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết đề ra **07** nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: **(i)** về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị; **(ii)** về kinh tế; **(iii)** về xã hội; **(iv)** về văn hóa, con người; **(v)** về môi trường sinh thái; **(vi)** về quốc phòng, an ninh; và **(vii)** về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Trong đó:

(1) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị, gồm **07** nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đề cập toàn diện từ công tác lãnh đạo của Đảng đến công tác tổ chức, cán bộ; quản trị thực thi theo mục tiêu, kết quả đầu ra; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa, đổi mới quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội; xây dựng pháp luật theo hướng mở, linh hoạt, thích ứng nhanh; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát với tư cách là phương thức quản trị phát triển mới; xây dựng chính phủ số, dữ liệu dùng chung, nền tảng số; tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì; thí điểm mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa.

(2) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về kinh tế, gồm 12 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đó là: **(i)** Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao; **(ii)** Tổ chức lại không gian phát triển quốc gia theo tư duy đa tầng, đa cực, liên kết đồng bộ; **(iii)** Xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển và có năng lực cạnh tranh hàng đầu trong các ngành công nghiệp biển; phát triển kinh tế không gian tầm thấp, không gian vũ trụ, không gian ngầm; **(iv)** Phát triển đồng bộ, hiện đại, minh bạch, an toàn và liên thông các thị trường nhân tố sản xuất; **(v)** Đổi mới cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực quốc gia, lấy hiệu quả và tác động làm thước đo; **(vi)** Phát triển nhanh lực lượng sản xuất mới, hiện đại, đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, động lực chủ yếu của tăng trưởng; **(vii)** Xây dựng và triển khai chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hệ mới; **(viii)** Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp theo các tầng liên kết, hỗ trợ lẫn nhau; **(ix)** Phát triển hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh, xanh, kết nối đa tầng, đa phương thức; **(x)** Tái cấu trúc hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Nhà nước kiến tạo, định hướng và chia sẻ rủi ro; **(xi)** Đổi mới liên kết nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; **(xii)** Đẩy mạnh đô thị hóa và phát triển đô thị thành động lực tăng trưởng quan trọng.

(3) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xã hội, có 04 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, gồm: **(i)** Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, linh hoạt, thích ứng cao; **(ii)** Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển, có niềm tin, có năng lực chống chịu; **(iii)** Đổi mới quản trị phát triển nguồn nhân lực và hiện đại hóa thị trường lao động; **(iv)** Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển kỹ năng số, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo; đào tạo lại, chuyển đổi nghề trong quá trình chuyển đổi số, xanh và đổi mới mô hình phát triển; xây dựng xã hội học tập, cơ chế học tập suốt đời.

(4) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về văn hóa, con người, gồm 04 nhiệm vụ, giải pháp, đó là: **(i)** Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng và phát huy hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo; xuất khẩu văn hóa; tài sản hóa các giá trị văn hóa; xây dựng văn hóa số, bảo vệ chủ quyền văn hóa số quốc gia; **(ii)** Phát triển con người Việt Nam toàn diện; nuôi dưỡng khát vọng phát triển, khát vọng cống

hiển; thâm nhuần văn hóa dân tộc; chủ động ứng phó với tác động tiêu cực của công nghệ, truyền thông và biến đổi xã hội; **(iii)** Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển, thu hút và trọng dụng nhân tài; thu hút mạnh mẽ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học Việt kiều và nhân tài quốc tế; **(iv)** Chuyển tư duy từ quản lý quy mô, cơ cấu dân số sang phát triển vốn dân số quốc gia; nâng cao chất lượng dân số; xây dựng chiến lược, chính sách dân số thích ứng với già hóa dân số; khai thác cơ hội phát triển từ chuyển đổi dân số; phát triển kinh tế bạc và hệ sinh thái, sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi.

(5) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về môi trường sinh thái, có 05 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, gồm: **(i)** Hoàn thiện thể chế bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất xanh, tuần hoàn, các-bon thấp; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực; **(ii)** Phát triển và vận hành đồng bộ thị trường các-bon; mở rộng tín dụng xanh, trái phiếu xanh, phát triển thị trường vốn xanh; **(iii)** Xây dựng nền tảng quản trị tài nguyên và môi trường hiện đại dựa trên dữ liệu; từng bước hạch toán vốn tự nhiên trong hệ thống thống kê quốc gia; đưa yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường vào quy hoạch, phân bổ ngân sách và quyết định đầu tư; **(iv)** Chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường; đổi mới quản trị rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu chủ động, từ sớm, từ xa, phát triển hạ tầng và đô thị chống chịu; **(v)** Phát triển công nghiệp môi trường, công nghệ xanh và công nghệ khí hậu; phát triển khu công nghiệp sinh thái và hệ thống tái chế có truy xuất nguồn gốc.

(6) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về quốc phòng, an ninh, gồm 05 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, với trọng tâm: **(i)** Hoàn thiện pháp luật về quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình phát triển đất nước, thích ứng với hình thái chiến tranh mới và các không gian chiến lược mới; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại; Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tăng cường đầu tư, ưu tiên hiện đại hóa các lực lượng tác chiến (trên biển, trên không, không gian mạng, điện tử và lực lượng không người lái...); **(ii)** Đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại với sự tham gia có chọn lọc của khu vực tư nhân trong nước; phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, khu, cụm công nghiệp lưỡng dụng, tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia và trung tâm đổi mới sáng tạo quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng doanh nghiệp quốc phòng, an ninh có năng lực làm chủ công nghệ chiến lược, dẫn dắt các lĩnh vực mũi nhọn, lĩnh vực mới; có cơ chế đặt hàng, thử nghiệm, thương mại hóa và xuất khẩu có kiểm soát sản phẩm lưỡng dụng; **(iii)** Bảo đảm tự chủ chiến lược về công nghệ và dữ liệu; xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng và hệ thống chỉ huy, điều hành số liên thông; **(iv)** Phát triển toàn diện năng lực bảo đảm an ninh quốc gia; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an

ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, an ninh công nghệ, an ninh tài chính, an ninh chuỗi cung ứng và an ninh các không gian mới (vũ trụ, tầm thấp, ngầm, biển và đại dương...); **(v)** Xây dựng thế trận an ninh hiện đại, đa tầng, liên hoàn trên các không gian, lĩnh vực; xây dựng và hoàn thiện khung chiến lược quốc gia về an ninh con người; bảo vệ người dân trước thách thức an ninh phi truyền thống và trên không gian mạng.

(7) Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đối ngoại và hội nhập quốc tế, gồm **05** nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau: **(i)** Xây dựng nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp; kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, đa phương hóa, đa dạng hóa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, thực chất; kiên trì giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ, chủ quyền biển đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; **(ii)** Lấy ngoại giao kinh tế làm trọng tâm; triển khai đồng bộ, hiệu quả ngoại giao công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hóa và ngoại giao khí hậu; phát huy vai trò dẫn dắt của ngoại giao nguyên thủ, gắn kết hoạt động đối ngoại cấp cao với thu hút đầu tư chất lượng cao và chuyển giao công nghệ; phát huy mạng lưới cơ quan đại diện ở nước ngoài trong thúc đẩy khoa học, công nghệ và thu hút nhân tài; **(iii)** Nâng tầm đối ngoại đa phương; tham gia định hình chuẩn mực quốc tế mới về kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, tài chính xanh, an ninh mạng...; đẩy mạnh đối ngoại quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình; **(iv)** Nâng cao năng lực đối ngoại và hội nhập quốc tế của chính quyền địa phương và doanh nghiệp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong đối ngoại nhân dân, ngoại giao tri thức, công nghệ và số; **(v)** Đa dạng hóa đối tác, thị trường, chuỗi cung ứng và hệ sinh thái công nghệ; áp dụng cơ chế đặc thù thu hút các tập đoàn đa quốc gia, tổ chức nghiên cứu và nhân tài quốc tế tham gia các chương trình khoa học, công nghệ tại Việt Nam; phát huy mạnh mẽ nguồn lực và vai trò của cộng đồng người Việt Nam.

*[Các nhiệm vụ, giải pháp được cụ thể hóa thành Danh mục 51 nhiệm vụ, giải pháp quan trọng kèm theo **Chương trình hành động** thực hiện Nghị quyết]*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề Nghị quyết số -NQ/TW Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam đi vào thực tiễn, phát huy hiệu quả, đòi hỏi các cơ quan trong hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các địa phương tập trung tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chủ động, linh hoạt, hiệu quả.

(1) Bộ Chính trị ban hành **Chương trình hành động** thực hiện Nghị quyết

với các chỉ tiêu, danh mục nhiệm vụ, đề án cụ thể; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về đổi mới mô hình phát triển.

(2) Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, các đảng ủy bộ, ngành Trung ương chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý cho công tác triển khai Nghị quyết và giám sát việc thực hiện trong phạm vi cả nước.

(3) Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương tổ chức quán triệt và thường xuyên tuyên truyền về việc triển khai, kết quả thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động.

(4) Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực chấp hành và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết và chính sách, pháp luật về đổi mới mô hình phát triển.

(5) Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

(6) Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, xây dựng Chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết.

Kính thưa Hội nghị,

Trên đây là một số nội dung chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết số -NQ/TW Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam.

Xin kính chúc đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!